

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/QĐ-UBND

Xuân Giang, ngày 23 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 xã Xuân Giang;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Xuân Giang (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban Tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy - HĐND xã;
- Các đoàn thể CTXH xã;
- Các ông trưởng xóm;
- Lưu VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Lê

BIÊN BẢN

Công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 xã Xuân Giang;

I. Thời gian, địa điểm:

Hôm nay, vào hồi 8h00 ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Phòng họp tầng 3- Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang tiến hành lập biên bản công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang.

II. Thành phần:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Thành Lê | Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã |
| 2. Ông Đặng Kim Thuyết | Chức vụ: Chủ tịch HĐND xã |
| 3. Ông Phạm Xuân Chiến | Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 4. Ông Nguyễn Công Khá | Công chức VP HĐND&UBND xã |
| 5. Bà Lê Thị Loan | Chức vụ: Công chức tài chính – Kế toán xã |
| 6. Ông Nguyễn Văn Đỗ | Chức vụ: Trưởng Đài truyền thanh |
| 7. Ông Nguyễn Xuân Ngọc | Chức vụ: Trưởng Đài truyền thanh |
| 8. Ông Nguyễn Quốc Hiệp | Chức vụ: Trưởng Đài truyền thanh |

III. Nội dung:

- Tiến hành lập biên bản công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang.

1. Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NS đối với các cấp ngân sách nhà nước (Theo các biểu mẫu kèm theo).

2. Về hình thức và thời điểm công khai.

2.1. Hình thức công khai.

Niem yết công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Xuân Giang.

2.2. Địa điểm niêm yết:

- Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã Xuân Giang, Tại phòng giao dịch hành chính theo cơ chế 1 cửa trụ sở Ủy ban nhân dân và công bố trên hệ thống đài truyền thanh xã Xuân Giang.

2.3. Thời điểm bắt đầu niêm yết:

- Thời gian niêm yết từ ngày 25/4/2025 đến ngày 24/5/2025.
- Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

2.4. Các phản ánh liên quan đến công khai thu chi tài chính (nếu có).

3. Tổ chức thực hiện:

- Đồng chí Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức thời điểm công khai theo quy định và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Xuân Giang.

Yêu cầu các đồng chí nghiêm túc thực hiện, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra.

Biên bản lập xong hồi 9h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Lê

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Kim Thuyết

CÁN BỘ GHI BIÊN BẢN

Nguyễn Công Khá

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ công văn số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 xã Xuân Giang;

Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang thông báo công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Xuân Giang.

(Có các biểu số liệu kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã Xuân Giang, Tại phòng giao dịch hành chính theo cơ chế 1 cửa trụ sở Ủy ban nhân dân và công bố trên hệ thống đài truyền thanh xã Xuân Giang.

Ủy ban nhân dân xã Xuân Giang trân trọng thông báo để các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức cá nhân có liên quan và toàn thể nhân dân được biết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBND huyện Xuân Trường;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện; (Để báo cáo.)
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Niêm yết tại Phòng GDHC “Một cửa”;
- Lưu VT./.



Nguyễn Thành Lê



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	42.386.617	TỔNG SỐ CHI	42.386.617
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	656.267	I. Chi đầu tư phát triển	10.890.306
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.584.597	II. Chi thường xuyên	24.990.972
III. Thu bổ sung	28.998.678	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	6.505.339
- Bổ sung cân đối	17.134.107		
- Bổ sung có mục tiêu	11.864.571		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	84.000
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	4.147.076		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	25.638.907	20.324.907	54.694.627	42.386.617	213,33%	208,55%
I	Các khoản thu 100%	338.000	338.000	587.066	656.267	173,69%	194,16%
1	Phí, lệ phí	38.000	38.000	37.600	55.122	98,95%	145,06%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	170.000	170.000	344.946	396.624	202,91%	233,31%
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000	10.000			0,00%	
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	120.000	120.000	204.520	204.520	170,43%	170,43%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.044.000	2.730.000	20.013.721	8.584.597	248,80%	314,45%
1	Các khoản thu phân chia	172.000	127.000	312.291	217.906	181,56%	171,58%
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000	10.500	38.201	26.741	254,67%	254,68%
1.2	Thuê sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		0	0	0		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	22.000	22.000	21.000	21.000	95,45%	95,45%
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	135.000	94.500	253.090	170.165	187,47%	180,07%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.872.000	2.603.000	19.701.431	8.366.691	250,27%	321,42%
2.1	Thu tiền sử dụng đất	7.300.000	2.190.000	15.389.457	4.616.836	210,81%	210,81%
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		0	0			
2.3	Thuế tài nguyên		0	0			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2.4	Thuế giá trị gia tăng	42.000	42.000	2.438.243	2.438.243	5805,34%	5805,34%
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	0	0		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	530.000	371.000	1.873.730	1.311.611	353,53%	353,53%
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		0				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			4.147.076	4.147.076		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.256.907	17.256.907	29.946.763	28.998.678	71,51	168,04%
1	Thu bổ sung cân đối	17.256.907	17.256.907	17.274.907	17.134.107	100,10%	99,29%
2	Thu bổ sung có mục tiêu			12.671.856	11.864.571		



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Tổng số chi	20.324.907	2.190.000	18.134.907	42.386.617	10.890.306	31.496.311	208,55%	497,27%	173,68%
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.685.792		1.685.792	1.566.689		1.566.689	92,93%		92,93%
	Chi dân quân tự vệ	450.956		450.956	459.383		459.383	101,87%		101,87%
	Chi trật tự an toàn xã hội	1.234.836		1.234.836	1.107.305		1.107.305	89,67%		89,67%
2	Chi giáo dục	1.278.500	1.000.000	278.500	5.054.111	4.768.322	285.789	395,32%	476,83%	102,62%
3	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ						0			
4	Chi y tế	123.792		123.792	136.506	13.002	123.503	110,27%		99,77%
5	Chi văn hóa, thông tin	73.000		73.000	64.806		64.806	88,77%		88,77%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	124.520		124.520	172.354		172.354	138,41%		138,41%
7	Chi thể dục, thể thao	81.500		81.500	216.700		216.700	265,89%		265,89%
8	Chi bảo vệ môi trường	324.000		324.000	555.046	50.000	505.046	171,31%		155,88%
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.036.880	450.000	586.880	4.509.801	3.349.931	1.159.870	434,94%	744,43%	197,63%
	Giao thông	666.000	450.000	216.000	3.673.376	3.312.640	360.736	551,56%	736,14%	167,01%
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	264.720		264.720	564.627	37.291	527.336	213,29%		199,21%
	Thị chính	10.000		10.000						
	Thương mại, du lịch				99.001		99.001			
	Các hoạt động kinh tế khác	96.160		96.160	172.797		172.797	179,70%		179,70%
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	14.000.123	740.000	13.260.123	22.186.039	2.412.006	19.774.033	158,47%	325,95%	149,12%
	Trong đó: Quỹ lương				11.928.621	0	11.928.621			

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Quản lý Nhà nước	8.209.950	740.000	7.469.950	15.688.409	2.412.006	13.276.403	191,09%	325,95%	177,73%
	Đảng Cộng sản Việt Nam	2.227.480		2.227.480	2.430.878		2.430.878	109,13%		109,13%
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1.286.753		1.286.753	1.682.943		1.682.943	130,79%		130,79%
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	497.592		497.592	520.677		520.677	104,64%		104,64%
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	554.734		554.734	587.822		587.822	105,96%		105,96%
	Hội Cựu chiến binh	477.615		477.615	487.208		487.208	102,01%		102,01%
	Hội Nông dân	530.270		530.270	557.841		557.841	105,20%		105,20%
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	215.728		215.728	230.289		230.289	106,75%		106,75%
11	Chi cho công tác xã hội	1.187.800		1.187.800	1.335.228	297.045	1.038.183	112,41%		87,40%
12	Chi khác				84.000		84.000			
12	Dự phòng	409.000		409.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				6.505.339		6.505.339			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2024

(Quyết toán đã được hội đồng nhân dân phê duyệt)

ĐVT: 1000 đồng

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	Tổng cộng		60.465.340	126.000	10.245.304	31.837.108	20.752.535	10.890.306	194.267
1	Công trình cải tạo, nâng cấp đường Chợ cầu xóm 1 di đường 488 xã Xuân Thủy	2022	2.496.479		2.070.012	2.443.535	2.070.012	373.523	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xóm 6 ra bãi rác thải sinh hoạt xã Xuân Thủy	2023	615.000			33.388		33.388	
3	Công trình Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Xuân Thủy	2023-2024	5.997.128		2.000.000	3.102.000	2.000.000	1.102.000	
4	Trụ sở Đảng ủy-UBND-HĐND xã Xuân Thủy	2014-2015	5.723.000		5.198.361	5.388.177	5.198.361	189.816	
5	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ Xuân Thủy	4/2024	724.274			137.267		64.000	73.267
6	Công trình chôn lấp, xử lý bãi rác sinh hoạt xã Xuân Thủy	2016-2017	2.260.525			2.260.525	2.210.525	50.000	
7	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm 1, xóm 4 + 5, xóm 7 xã Xuân Đài	2024	694.288	116.000		616.000		500.000	116.000
8	Công trình xây mới nhà 2 tầng 8 phòng học, cải tạo 16 phòng học dãy nhà B và C trường THCS Xuân Đài	2024	9.500.000			1.259.000		1.259.000	
9	Hạng mục phụ trợ trường MN Xuân Đài	12/2022	478.240	5.000		418.214		413.214	5.000
10	Công trình nhà đa năng trường Tiểu học Xuân Đài	10/2023	696.835	5.000		600.000		600.000	
11	Công trình cải tạo sửa chữa nghĩa trang Liệt sỹ Xuân Đài	11/2022	771.410			733.045	500.000	233.045	

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
			Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
12	Công trình 10 phòng học 2 tầng nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Xuân Đài	12/2022	9.995.980			9.148.418	7.796.706	1.351.712	
13	Cải tạo, nâng cấp đường 16 đi đường 50 và xóm 6 đi xóm 9 Xuân Phong	2023-2025	4.990.000		203.629	2.394.358	203.629	2.190.729	
14	Xây tường gạch đoàn từ cầu vào miếu Đức Thánh Bà + 110 đến 488 (đất lúa)	2023	810.593		773.302	810.593	773.302	37.291	
15	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND Xuân Giang	2024-2025	4.999.000			2.222.190		2.222.190	
16	Trạm y tế xã Xuân Phong	12/2016-2018	3.195.863			13.002		13.002	
17	4 phòng học tầng 3 và các hạng mục phụ trợ Tiểu học khu A Xuân Phong	2021	4.997.701			31.541		31.541	
18	Xây dựng mái tôn chống nóng nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học khu A xã Xuân Phong	2022	1.192.017			10.855		10.855	
19	Nâng cấp hệ thống thoát nước đường xóm 16 đi đường 50 và đường từ xóm 6 đi xóm 9 xã Xuân Phong	2024	327.007			215.000		215.000	